

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện sửa đổi, bổ sung
trong Lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước, Kinh doanh khí
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân
tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 – 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành
chính trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Chủ
tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thông qua Phương án đơn giản hóa 02 thủ
tục hành chính cấp huyện trong lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước, Kinh
doanh khí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 36/TTr-SCT
ngày 05 tháng 8 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành
chính cấp huyện được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực: Lưu thông hàng hoá
trong nước, Kinh doanh khí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công
Thương đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa (rút ngắn thời gian giải
quyết) tại Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Chủ
tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước, kinh doanh khí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Điều 3. Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý theo các nội dung công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định tại Điều 10 Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 2 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, K6, KSTT ^(C).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

**DANH MỤC 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC: LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC, KINH DOANH KHÍ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Nội dung sửa đổi, bổ sung (*)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC				Mức độ 3	Mức độ 4				
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương										
Lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước (01 TTHC)										
01	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (2.000181.000.00.00.H08)	Mười hai (12) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	-	-	Có	Thời hạn giải quyết TTHC	Phí: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Ở huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) - Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: + Ở thị xã, thành phố:	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13 ngày 18/6/2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 18/6/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày	Không

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Nội dung sửa đổi, bổ sung (*)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC				Mức độ 3	Mức độ 4				
								<i>400.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</i> + <i>Ở huyện: 200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</i> Thu phí tại thời điểm nộp hồ sơ	15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	

Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 2454/QĐ-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

Lĩnh vực Kinh doanh khí (01 TTHC)

[illegible]